**-BÀI 1:**

**SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KT - XH CỦA CÁC NHÓM NƯỚC. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI**

**Câu 1:** **Thế giới hiện nay có trên ……. quốc gia và vùng lãnh thổ.**

A 180 B 200

C 250 D 150

**Câu 2:** **Thế giới hiện nay được phân chia thành ….. nhóm nước.**

A 4 B 2

C 3 D 5

**Câu 3:** **Căn cứ để phân chia các quốc gia trên thế giới thành các nhóm nước là**

A trình độ phát triển kinh tế – xã hội.

B đặc điểm tự nhiên và trình độ phát triển xã hội.

C đặc điểm tự nhiên và trình độ phát triển k/tế.

D điểm tự nhiên và dân cư, xã hội.

**Câu 4:** **Nhận xét đúng nhất về một số đặc điểm kinh tế – xã hội của các nước đang phát triển là**

A nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình thấp, chỉ số HDI ở mức thấp

B nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao

C nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình thấp, chỉ số HDI ở mức cao

D nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức thấp

**Câu 5:** **Nhận xét đúng nhất về một số đặc điểm kinh tế – xã hội của các nước phát triển là**

A giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình thấp, chỉ số HDI ở mức cao.

B giá trị đầu tư ra nước ngoài nhỏ, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao.

C giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức thấp.

D giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao.

**Câu 6:** **Biểu hiện không phải là cơ bản khi phân biệt giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển là**

A GDP/người. B tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP.

C HDI. D FDI.

**Câu 7:** **Biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển không bao gồm**

A tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao. B nợ nước ngoài nhiều.

C GDP bình quân đầu người thấp. D chỉ số phát triển con người ở mức thấp.

**Câu 8:** **Đặc điểm nổi bật nhất của các nước đang phát triển hiện nay là**

A trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp.

B cơ cấu kinh tế hiện đại.

C quá trình đô thị hoá cao.

D mức sống dân cư cao.

**Câu 9:** **Đặc điểm *không thuộc* các nước phát triển là**

A GDP bình quân đầu người cao. B đầu tư ra nước ngoài nhiều.

C tổng sản phẩm trong nước lớn. D chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô.

**Câu 10:** **Ý nào sau đây không phải là biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước phát triển?**

A Dân số đông và tăng nhanh. B Đầu tư ra nước ngoài nhiều.

C Chỉ số phát triển con người ở mức cao. D GDP bình quân đầu người cao.

**Câu 11:** **Đặc điểm các nước công nghiệp mới là**

A đã trải qua quá trình CNH và đạt được trình độ phát triển nhất định về công nghiệp.

B có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào.

C có GDP lớn, GDP/người cao, đầu tư ra nước ngoài nhiều.

D có GDP/người cao nhờ chủ yếu vào việc bán nguyên liệu thô có giá trị cao.

**Câu 12:** **Nước nào ở Mĩ La-tinh được xếp vào nhóm nước công nghiệp mới hiện nay?**

A Pê-ru. B Chi-lê.

C Vê-nê-xu-ê-la. D Ác-hen-ti-na.

**Câu 13:** **Nước nào dưới đây thuộc các nước công nghiệp mới (NICs)?**

A Ni-giê-ri-a, Xu-đăng, Công-gô. B Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp.

C Hàn Quốc, Bra-xin, Ác-hen-ti-na. D Pháp, Bô-li-vi-a, Việt Nam.

**Câu 14:** **Hiện nay, các nước và vùng lãnh thổ được gọi là nước công nghiệp mới ở châu Á là**

A Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan.

B Phi-lip-pin, Trung Quốc, Hàn Quốc.

C Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan.

D Hàn Quốc, Xin-ga-po, Thái Lan.

**Câu 15:** **Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là**

A khu vực I rất thấp, khu vực III rất cao.

B khu vực II rất cao, khu vực I và III thấp.

C khu vực I và III cao, khu vực II thấp.

D khu vực I rất thấp, khu vực II và III cao.

Chú thích: Khu vực I là nông-lâm-ngư nghiệp, khai thác mỏ và khoáng. Khu vực II gồm công nghiệp và xây dựng, khu vực III là dịch vụ (giao thông, tài chính, ăn uống, du lịch, giải trí…)

**Câu 16:** **Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước phát triển so với nhóm nước đang phát triển là**

A tỉ trọng khu vực III rất cao.

B tỉ trọng khu vực I còn cao.

C cân đối về tỉ trọng giữa các khu vực.

D tỉ trọng khu vực II rất thấp.

**Câu 17:** **Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước đang phát triển so với nhóm nước phát triển là**

A khu vực II có tỉ trọng rất cao.

B khu vực III có tỉ trọng rất cao.

C khu vực I có tỉ trọng còn cao.

D khu vực I có tỉ trọng rất thấp.

**Câu 18:** **Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự khác biệt về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển là**

A phong phú về tài nguyên. B đa dạng về thành phần chủng tộc.

C trình độ phát triển kinh tế. D phong phú về nguồn lao động.

**Câu 19:** **Ngành thu hút nhiều lao động và đóng góp phần lớn cho thu nhập quốc dân ở các nước phát triển là**

A nông nghiệp. B công nghiệp.

C giao thông vận tải. D dịch vụ.

**Câu 20:** **HDI là**

A Tổng sản phẩm trong nước. B Chỉ số phát triển con người.

C Chỉ số đầu tư nước ngoài. D Chỉ số về sức khỏe.

**Câu 21:** **Châu lục có tuổi thọ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là**

A Châu Mĩ. B Châu Phi.

C Châu Âu. D Châu Á.

**Câu 22:** **Khu vực các nước có tuổi thọ bình quân thấp nhất thế giới là**

A Bắc Mĩ. B Đông Á.

C Tây Phi. D Tây Âu.

**Câu 23:** **Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra trên thế giới vào thời gian**

A đầu thế kỉ XX. B đầu thế kỉ XXI.

C cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. D cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI.

**Câu 24:** **Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng**

A công nghiệp khai thác. B công nghiệp dệt may.

C công nghiệp cơ khí. D công nghệ cao.

**Câu 25:** **Các công nghệ trụ cột có tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến phát triển kinh tế - xã hội hiện nay là**

A năng lượng, thông tin, vật liệu, điện tử. B sinh học, vật liệu, năng lượng, thông tin.

C vật liệu, điện tử, cơ khí, sinh học. D sinh học, vật liệu, năng lượng, cơ khí.

**Câu 26:** **Trong các công nghệ trụ cột sau, công nghệ nào giúp cho các nước dễ dàng liên kết với nhau hơn?**

A Công nghệ sinh học. B Công nghệ năng lượng.

C Công nghệ thông tin. D Công nghệ vật liệu.

**Câu 27:** **Đặc trưng cơ bản của nền k/tế tri thức là**

A tập trung phát triển những ngành đòi hỏi kỹ thuật cao.

B đầu vào của sản xuất là công nghệ, tri thức, thông tin và thiết bị.

C dựa trên chất xám và kỹ thuật-công nghệ cao.

D những người tham gia hoạt động kinh tế đều là tri thức.

**Câu 28:** **Cơ cấu kinh tế của các nước đang phát triển đang có xu hướng**

A chuyển từ khu vực sản xuất vật chất sang khu vực dịch vụ.

B giảm tỉ trọng của nông nghiệp và tăng dần tỉ trọng của công nghiệp và dịch vụ.

C tăng tỉ trọng của nông nghiệp.

D giảm tỉ trọng của nông nghiệp.

**Câu 29:** **Đặc điểm nào sau đây không đúng với nền kinh tế tri thức?**

A Giai đoạn phát triển mới sau kinh tế công nghiệp.

B Ra đời dưới tác động sâu sắc của cách mạng khoa học và công nghệ.

C Hoạt động chủ yếu là tạo ra, quảng bá và sử dụng tri thức.

D Hầu hết các nước trên thế giới đang bước vào nền kinh tế này.

**Câu 30:** **Một số nước đang phát triển đã thực hiện chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng**

A thu hút đầu tư quốc tế.

B c/nghiệp hóa và đẩy mạnh ngành chăn nuôi.

C khai thác triệt để tài nguyên.

D công nghiệp hóa và chú trọng xuất khẩu.

**Câu 31:** **Các nước đang phát triển có những khó khăn lớn nhất hiện nay, đó là**

A thiếu nguyên liệu để phát triển sản xuất. B thị trường xuất khẩu hẹp.

C dịch bệnh nhiều. D vấn đề dân số, lương thực và đói nghèo.

**Câu 32:** **Cừu Dôly ra đời là kết quả của**

A tự động hóa trong sản xuất.

B sự phát triển mạnh của ngành điện tử và tin học.

C công nghệ sinh học.

D công nghệ sinh học và tự động hóa trong sản xuất.

**Câu 33:** **Xe Dream II mang nhãn hiệu Honda Nhật Bản được sản xuất ở Thái Lan và lắp ráp ở Việt Nam là thể hiện**

A sự chuyển giao công nghệ.

B sự phân công lao động quốc tế.

C sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.

D sự hợp tác giữa các quốc gia.

**Câu 34:** **Hàng năm Nhật Bản phải nhập hàng trăm triệu tấn dầu mỏ của các nước Tây Á trong khi đó các nước Tây Á phải nhập hàng chục triệu tấn lương thực từ các nước ĐNÁ là thể hiện**

A sự phân công lao động quốc tế.

B sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.

C sự chuyển giao công nghệ.

D hiện tượng "chảy chất xám".

**Câu 35: Cho bảng số liệu**

**GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm 2013**

(Đơn vị: USD)

| Các nước phát triển | | Các nước đang phát triển | |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên nước | GDP/người | Tên nước | GDP/người |
| Thụy Điển | 60381 | Cô-lôm-bi-a | 7831 |
| Hoa Kỳ | 53042 | In-đô-nê-xi-a | 3475 |
| Niu Di-lân | 41824 | Ấn Độ | 1498 |
| Anh | 41781 | Ê-ti-ô-pi-a | 505 |

Nhận xét nào sau đây là đúng?

A GDP/người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển

B Các nước phát triển có GDP/người đều trên 60 nghìn USD

C Các nước đang phát triển không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người

D Không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người giữa các nhóm nước

**Câu 36:** **Cho bảng số liệu**

**GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm 2013**

(Đơn vị: USD)

| Các nước phát triển | | Các nước đang phát triển | |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên nước | GDP/người | Tên nước | GDP/người |
| Thụy Điển | 60381 | Cô-lôm-bi-a | 7831 |
| Hoa Kì | 53042 | In-đô-nê-xi-a | 3475 |
| Niu Di-lân | 41824 | Ấn Độ | 1498 |
| Anh | 41781 | Ê-ti-ô-pi-a | 505 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện GDP/người của các nước Thụy ĐIển, Hoa Kì, Ấn Độ, Ê-ti-ô-pi-a là

A Biểu đồ cột.

B Biểu đồ đường.

C Biểu đồ tròn.

D Biểu đồ miền

**Câu 37:** **Cho bảng số liệu**

**GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm 2013**

(Đơn vị: USD)

| Các nước phát triển | | Các nước đang phát triển | |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên nước | GDP/người | Tên nước | GDP/người |
| Thụy Điển | 60381 | Cô-lôm-bi-a | 7831 |
| Hoa Kì | 53042 | In-đô-nê-xi-a | 3475 |
| Niu Di-lân | 41824 | Ấn Độ | 1498 |
| Anh | 41781 | Ê-ti-ô-pi-a | 505 |

Nhận xét nào sau đây là đúng?

A GDP/người của Thụy Điển gấp 119,6 lần của Ê-ti-ô-pi-a

B GDP/người của Hoa Kỳ gấp 119,6 lần của Ê-ti-ô-pi-a. 105 lần

C GDP/người của Thụy Điển gấp 169,1 lần của Ê-ti-ô-pi-a

D GDP/người của Hoa Kỳ gấp 9,6 lần của Ấn Độ

**Câu 38:** **Cho bảng số liệu**

**Cơ cấu GDP phân theo khu vực của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a năm 2013**

(Đơn vị: %)

| Nước | Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| --- | --- | --- | --- |
| Thụy Điển | 1,4 | 25,9 | 72,7 |
| Ê-ti-ô-pi-a | 45,0 | 11,9 | 43,1 |

Biểu đồ thể hiện rõ nhất cơ cấu GDP của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a là

A Biểu đồ tròn . B Biểu đồ cột .

C Biểu đồ đường. D Biểu đồ miền

**Câu 39:** **Cho bảng số liệu**

**Cơ cấu GDP phân theo khu vực của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a năm 2013**

(Đơn vị: %)

| Nước | Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| --- | --- | --- | --- |
| Thụy Điển | 1,4 | 25,9 | 72,7 |
| Ê-ti-ô-pi-a | 45,0 | 11,9 | 43,1 |

Nhận xét nào sau đây *không* đúng?

A Khu vực III của Thụy Điển có tỉ trọng cao

B Cơ cấu GDP của Thụy Điển đặc trưng cho nhóm nước đang phát triển

C Khu vực I của Thụy Điển có tỉ trọng rất thấp

D Cơ cấu GDP của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a có sự chênh lệch

**Câu 40:** **Cho bảng số liệu về chỉ số HDI một số nước sau**

| Nhóm nước | Tên nước | Năm 2010 | Năm 2013 |
| --- | --- | --- | --- |
| Phát triển | Na Uy | 0,941 | 0,944 |
| Ô-xtrây-li-a | 0,927 | 0,933 |
| Nhật Bản | 0,899 | 0,890 |
| Đang phát triển | In-đô-nê-xi-a | 0,613 | 0,684 |

Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên?

A Các nước đang phát triển chỉ số HDI còn thấp

B Các nước phát triển có chỉ số HDI cao.

C Chỉ số HDI của tất cả các nước đều tăng.

D Chỉ số HDI của các nước có sự thay đổi.